TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2019/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hồng Hải - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", Theo Quyết định mở phiên họp số 24/2019/QĐ-TA ngày 06 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Họ và tên người yêu cầu thứ nhất: **Anh Nguyễn Lương T,** sinh năm: 1963, địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương, có mặt.

- Họ và tên người yêu cầu thứ hai: **Chị Nguyễn Thị T,** sinh năm: 1966, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ 20, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ hiện nay: Hiện đang làm việc tại Vương quốc Anh, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và tài sản cùng các tài liệu có tại hồ sơ, trên cơ sở lời trình bày của anh Nguyễn Lương T tại phiên họp, nội dung việc dân sự như sau:

Ngày 25/9/1988, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Lương T, sau quá trình tự do tìm hiểu đã tự nguyện đến với nhau, đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô và tổ chức lễ cưới công khai. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về Việt Nam ra mắt hai bên gia đình. Một thời gian sau chị T sinh con trai còn anh T sang phép tiếp tục công việc. Từ đó đến nay, giữa anh T, chị T không liên lạc, trao đổi thông tin. Nhận thấy, tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn. Vì vậy, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho hai vợ chồng.

+ Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Lương C, sinh năm: 1989, đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, anh T vẫn tiếp tục đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho hai vợ chồng và không bổ sung, cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của anh Nguyễn Lương T và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T hiện đang lao động tại Vương quốc Anh; trong quá trình giải quyết vụ việc, chị T về Việt Nam để hoàn thiện thủ tục giải quyết việc ly hôn với anh T nhưng vì điều kiện công việc không cho phép nên tại thời điểm Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự chị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Do đó, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật TTDS năm 2015. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị Nguyễn Thị T theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý việc Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa anh Nguyễn Lương T và chị Nguyễn Thị T được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai nên căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng nhau, đời sống hôn nhân hạnh phúc và có 01 con chung. Sau đó hai vợ chồng về Việt Nam ra mắt hai bên gia đình và chị T ở lại sinh con còn anh T sang phép tiếp tục công việc.

Từ đó, hai vợ chồng dần cắt đứt mối liên lạc và không còn trao đổi tin tức. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại con trai chung đã trưởng thành, hai vợ chồng đều đã có cuộc sống riêng, không phụ thuộc và không gắn bó tình cảm cùng nhau nên anh T, chị T đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho hai vợ chồng.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Nguyễn Lương T và chị Nguyễn Thị T hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của hai vợ chồng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, giải quyết cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Lương T được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).

Như vậy, anh Thanh, chị T đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung nay đã trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới. Trong trường hợp có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 55, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Lương T và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung đã trưởng thành.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 chấp nhận sự tự nguyện nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí HNGĐST của anh Nguyễn Lương T đã nộp tại biên lai số 001289 ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Hồng Hải